

CÔNG KHAI

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025 ( KINH PHÍ HỖ TRỢ CHI THƯỜNG XUYỀN)

( Kèm theo Quyết định số /QĐ-SVHTT ngày tháng năm 2025 của Sở Văn hóa và Thể thao )

Đvt: 1000 đồng

| STT | Nội dung                                                              | Dự toán được giao | Dự toán đã giao cho đơn vị | Trong đó                                                |                                                     |                     |                          |                     |                                |                                          |                 |                                       |                             |                 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------|---------------------|--------------------------------|------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------|
|     |                                                                       |                   |                            | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao Hà Nội | Trường Phổ thông Năng khiếu Thể dục Thể thao Hà Nội | Nhà hát Chèo Hà Nội | Nhà hát Cải lương Hà Nội | Nhà hát Kịch Hà Nội | Nhà hát Ca Múa Nhạc Thăng Long | Nhà hát Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Hà Nội | Bảo tàng Hà Nội | Trung tâm Thông tin Truyền lãm Hà Nội | Trung tâm Văn hoá Thành phố | Thư viện Hà Nội |
|     | TỔNG CỘNG                                                             | 155.757.000       | 155.757.000                | 44.395.000                                              | 13.872.000                                          | 15.665.000          | 15.675.000               | 12.287.000          | 6.881.000                      | 6.050.000                                | 12.888.000      | 6.244.000                             | 12.436.000                  | 9.364.000       |
| I   | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                                        | 58.267.000        | 58.267.000                 | 44.395.000                                              | 13.872.000                                          | 0                   | 0                        | 0                   | 0                              | 0                                        | 0               | 0                                     | 0                           | 0               |
| a   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                        | 38.054.000        | 38.054.000                 | 29.280.000                                              | 8.774.000                                           | 0                   | 0                        | 0                   | 0                              | 0                                        | 0               | 0                                     | 0                           | 0               |
| b   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                  | 20.213.000        | 20.213.000                 | 15.115.000                                              | 5.098.000                                           | 0                   | 0                        | 0                   | 0                              | 0                                        | 0               | 0                                     | 0                           | 0               |
| -   | Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương | 16.772.000        | 16.772.000                 | 12.300.000                                              | 4.472.000                                           |                     |                          |                     |                                |                                          |                 |                                       |                             |                 |
| -   | Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung quỹ tiền thưởng                  | 3.441.000         | 3.441.000                  | 2.815.000                                               | 626.000                                             |                     |                          |                     |                                |                                          |                 |                                       |                             |                 |
| II  | Chi sự nghiệp văn hoá thông tin                                       | 97.490.000        | 97.490.000                 | 0                                                       | 0                                                   | 15.665.000          | 15.675.000               | 12.287.000          | 6.881.000                      | 6.050.000                                | 12.888.000      | 6.244.000                             | 12.436.000                  | 9.364.000       |
| a   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                        | 68.476.000        | 68.476.000                 | 0                                                       | 0                                                   | 11.392.000          | 10.912.000               | 8.580.000           | 5.112.000                      | 4.039.000                                | 8.600.000       | 4.919.000                             | 8.767.000                   | 6.155.000       |
| b   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                  | 29.014.000        | 29.014.000                 | 0                                                       | 0                                                   | 4.273.000           | 4.763.000                | 3.707.000           | 1.769.000                      | 2.011.000                                | 4.288.000       | 1.325.000                             | 3.669.000                   | 3.209.000       |
| -   | Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương | 23.894.000        | 23.894.000                 |                                                         |                                                     | 3.486.000           | 4.016.000                | 3.126.000           | 1.484.000                      | 1.698.000                                | 3.537.000       | 884.000                               | 3.021.000                   | 2.642.000       |
| -   | Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung quỹ tiền thưởng                  | 5.120.000         | 5.120.000                  |                                                         |                                                     | 787.000             | 747.000                  | 581.000             | 285.000                        | 313.000                                  | 751.000         | 441.000                               | 648.000                     | 567.000         |